TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 3 năm 2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân huyện H, tỉnh Đồng Tháp, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1998; Nơi đăng ký hộ khẩu: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú hiện nay: Số 16, đường số 5, khu phố 3, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn D, sinh năm 1995; Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam C – địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G và ý kiến trình bày của bị đơn anh Nguyễn Tấn D tại bản khai ngày 02/12/2020 đã được Tòa án thu thập trong quá trình tố tụng, như sau*:** Năm 2018 chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Tấn D sau thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, sau khi kết hôn vợ chồng chị G, anh D sống chung bên gia đình cha, mẹ anh D cùng địa chỉ nêu trên, được vài tháng thì vợ chồng chị G, anh D lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê,

thời gian đầu sống hạnh phúc và có sinh được 01 người con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 07/01/2020, sau đó chị G với anh D phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả, nên từ tháng 02 năm 2020 thì chị G ly thân với anh D và tiếp tục sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, còn anh D thì về quê xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp sinh sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị G yêu cầu được ly hôn với anh D, về con chung chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng; khi làm việc với anh D tại trại giam C thì anh D cũng đồng ý ly hôn với chị G, về con chung anh D đồng ý theo ý kiến của chị G là giao cho chị G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không có, chị G và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa**:*

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện H sau phần phân tích nội dung vụ án, nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị G, anh D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử của động viên để anh chị đoàn tụ nhưng chị G vẫn kiên quyết ly hôn; Riêng anh D trong bản khai cũng thống nhất ly hôn với chị G. Cho thấy, tình cảm giữa anh, chị không còn. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 07/01/2020, hiện cháu đang sống với chị G, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng; Xét từ khi sống ly thân, chị G vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A; Hơn nữa, cháu A còn rất nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của chị G. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, giáo dục đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G. Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con của chị G.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị G tự nguyện không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G, anh D trình bày không có, nên không đặt ra để xem xét.

* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn, bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn D đang chấp hành án phạt tù tại trại giam C và anh D đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, nên quan hệ vợ chồng của chị Nguyễn Thị G với anh Nguyễn Tấn D là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị G khai là thường xảy ra mâu thuẫn, mà bắt đầu là do lỗi của anh D trong cư xử không tế nhị với vợ, thiếu sự chăm lo gia đình, trong khi đó chị G đã hết lời khuyên răn. Nay chị G xin được ly hôn với anh D, tại bản khai ngày 02/12/2020 anh D cũng đồng ý ly hôn với chị G. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Tình cảm vợ chồng của chị G với anh D không còn, cụ thể qua các lần hòa giải cũng như tại phiên tòa Tòa án đã nhiều lần động viên chị G trở lại đoàn tụ với anh D sau khi anh D chấp hành án xong về, nhưng chị G kiên quyết ly hôn và anh D cũng đồng ý ly hôn, vì họ cho rằng cuộc sống vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đây là sự tự nguyện của đương sự, lẽ ra Tòa án lập biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị G với anh D, nhưng do anh D đang chấp hành án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Tấn D.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo chị G và anh D thừa nhận có 01 con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 07/01/2020 (hiện đang sống với chi G), và chị G, anh D thống nhất giao cho chị G được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng cháu Thiên A, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận của chị G với anh D trong việc nuôi dưỡng con chung là phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

- Về tài sản, nợ chung: Không có, chị G và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, và được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019 0003077 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị G đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh D không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Tấn D.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị G với anh Nguyễn Tấn D là giao cháu Nguyễn Thiên A, sinh ngày 07/01/2020 (hiện đang sống với chị G) cho chị Nguyễn Thị G (là mẹ) được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Tấn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được quyền cản trở; anh Nguyễn Tấn D chưa phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Nguyễn Thị G chưa yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thi G phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị G đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019 0003077 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Nguyễn Thị G đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh Nguyễn Tấn D không phải nộp án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (09/3/2021); bị đơn anh Nguyễn Tấn D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự:
- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách